

QUY TRÌNH**Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

ST T	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
Trường hợp 1: Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng			
1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đã được cấp (trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng)	01	Bản chính
Trường hợp 2: Thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận			
1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được sửa đổi	01	Bản sao
3	Giấy chứng nhận đã được cấp	01	Bản chính
Trường hợp 3: Thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón			
1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Văn bản chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón hoặc bằng tốt nghiệp trung	01	Bản chụp

	cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học của người trực tiếp buôn bán phân bón theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018.		
3	Giấy chứng nhận đã được cấp	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, quận Bình Thạnh ĐT: 028 35102686; Fax: 028 38414926 Email: ccttbvtv.snn@tphcm.gov.vn)	- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón: 13 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	200.000 đồng

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Trường hợp 1. Cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (05 ngày làm việc)

A. Trường hợp ký thừa ủy quyền

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		Theo mục I BM 01	1. Đối với hồ sơ được nhận trực tiếp: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				BM 02 BM 03	<p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định: hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 và nêu rõ lý do.</p> <p>2. Đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông báo cho tổ chức, cá nhân biết và hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện theo quy định.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Thanh tra Pháp chế.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Tiếp nhận hồ sơ, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.
B4	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Giấy chứng nhận hoặc Văn bản	<p>Xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ, dự thảo Văn bản</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Giấy chứng nhận hoặc Văn bản	Kiểm tra và ký nháy kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B6	Ký duyệt	Chi cục trưởng	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Chi cục trưởng ký thừa ủy quyền (đóng dấu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
B7	Ban hành Văn bản	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được ký duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. Chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
B8	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thu phí, lệ phí (nếu có). - Thống kê, theo dõi, lưu hồ sơ.

B. Trường hợp không ký thừa ủy quyền

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<p>1. Đối với hồ sơ được nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định: hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 và nêu rõ lý do. <p>2. Đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông báo cho tổ chức, cá nhân biết và hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Tiếp nhận hồ sơ, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 BM 05 hoặc Văn bản	Xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ, dự Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do.
B5	Rà soát hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 BM 05 hoặc Văn bản	Kiểm tra hồ sơ và trình Lãnh đạo Chi cục xem xét.
B6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Chi cục	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 05 hoặc Văn bản	Kiểm tra và ký nháy kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B7	Tiếp nhận hồ sơ trình ký	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ trình	Tiếp nhận hồ sơ, trình Ban giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký duyệt.
B8	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B9	Ban hành Văn bản	Văn thư Sở	0,25 ngày làm	Hồ sơ đã được ký duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. Chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
			việc (02 giờ)		cửa Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
B10	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thu phí, lệ phí (nếu có). - Thống kê, theo dõi, lưu hồ sơ.

Trường hợp 2. Cấp lại Giấy chứng nhận thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón (13 ngày làm việc)

A. Trường hợp ký thừa ủy quyền

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<p>1. Đối với hồ sơ được nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định: hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 và nêu rõ lý do. <p>2. Đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông báo cho tổ chức, cá nhân biết và hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Thanh tra Pháp chế
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Tiếp nhận hồ sơ phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.
B4	Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định hoặc Văn bản	Xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: dự thảo Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện buôn bán phân bón. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ, dự Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do.
B5	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định hoặc Văn bản	Kiểm tra hồ sơ, ký nháy Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện buôn bán phân bón hoặc Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B6	Thành lập Đoàn kiểm tra	Chi cục trưởng	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định hoặc Văn bản	Ký duyệt Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện buôn bán phân bón hoặc Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ. Chi cục trưởng ký thừa ủy quyền (đóng dấu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
B7	Kiểm tra thực tế tại cơ sở	Đoàn kiểm tra	05 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 06	Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra điều kiện buôn bán phân bón tại cơ sở và lập biên bản kiểm tra theo BM 06. <i>Trường hợp tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón không đáp ứng điều kiện, phải thực hiện khắc phục, sau khi khắc phục có văn bản thông báo đến Chi cục để kiểm tra nội dung đã khắc phục. Trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Chi cục cấp Giấy chứng nhận.</i>
B8	Xem xét kết quả kiểm tra, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Đoàn kiểm tra	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 05 hoặc Văn bản BM 06	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ hợp lệ và kết quả kiểm tra đủ điều kiện theo quy định: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo BM 05. + Trường hợp kết quả kiểm tra chưa đủ điều kiện theo quy định: dự thảo Văn bản trả lời và nêu rõ lý do. - Ký nháy kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình Chi cục trưởng.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B9	Ký duyệt	Chi cục trưởng	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Chi cục trưởng ký thừa ủy quyền (đóng dấu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
B10	Ban hành Văn bản	Văn thư Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
B11	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thu phí, lệ phí (nếu có). - Thống kê, theo dõi, lưu hồ sơ.

B. Trường hợp không ký thừa ủy quyền

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<p>1. Đối với hồ sơ được nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định: hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 và nêu rõ lý do. <p>2. Đối với hồ sơ nộp qua dịch</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông báo cho tổ chức, cá nhân biết và hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Thanh tra Pháp chế
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Tiếp nhận hồ sơ phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.
B4	Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	1 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định hoặc Văn bản	Xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: dự thảo Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện buôn bán phân bón. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: trả lại hồ sơ, dự Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do.
B5	Rà soát tính hợp lệ của hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Quyết định hoặc Văn bản	Kiểm tra hồ sơ và trình Lãnh đạo Chi cục xem xét.
	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Xem xét, ký nháy Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện buôn bán phân bón hoặc

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B6	sơ		(04 giờ)	BM 01 Quyết định hoặc Văn bản	Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
B7	Thành lập Đoàn kiểm tra	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định hoặc Văn bản	Ký duyệt Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện buôn bán phân bón hoặc Văn bản từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
B8	Kiểm tra thực tế tại cơ sở	Đoàn kiểm tra	05 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 06	<p>Tra tiến hành kiểm tra điều kiện buôn bán phân bón tại cơ sở và lập biên bản kiểm tra theo BM 06.</p> <p><i>Trường hợp tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón không đáp ứng điều kiện, phải thực hiện khắc phục, sau khi khắc phục có văn bản thông báo đến Chi cục để kiểm tra nội dung đã khắc phục. Trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Chi cục cấp Giấy chứng nhận.</i></p>
B9	Xem xét kết quả kiểm tra, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Đoàn kiểm tra	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 05 hoặc Văn bản BM 06	<p>- Xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ và kết quả kiểm tra đủ điều kiện theo quy định: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo BM 05.</p> <p>- Trường hợp kết quả kiểm tra chưa đủ điều kiện theo quy định: dự thảo Văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B10	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Chi cục	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký nháy kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký duyệt.
B11	Tiếp nhận hồ sơ, trình ký	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ trình	Tiếp nhận hồ sơ, trình Ban giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký duyệt.
B12	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B13	Ban hành Văn bản	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. Chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
B14	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. Thu phí, lệ phí (nếu có). Thống kê, theo dõi, lưu hồ sơ.

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)

6	BM 06	Biên bản kiểm tra (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)
---	-------	---

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)
6	BM 06	Biên bản kiểm tra (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)
7	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 84/2019 NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ Quy định về quản lý phân bón;
- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính./.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng... .. năm... ..

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG
 NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN**

Kính gửi:(1)

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy
 chứng nhận đăng ký hộ gia đình số:ngàyNơi cấp

Tên chủ cơ sở/ người đại diện theo pháp luật

Điện thoại:Fax:E-mail:

Số chứng minh nhân dân/Căn cước công dân: Số.....Ngày cấp.....Nơi cấp.

2. Địa điểm nơi chứa (kho) phân bón: (nếu có)

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

Cấp

Cấp lại (lần thứ:.....)

Lý do cấp lại

Hồ sơ gửi kèm:

.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực phân bón và các quy định
 pháp luật khác có liên quan./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....
 (1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

BM 05

TÊN TỔ CHỨC CHỦ QUẢN
.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng... .. năm... ..

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN
Số:..... /GCN-BBP

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:

Mã số doanh nghiệp (nếu có):

Người đại diện của tổ chức, cá nhân:

Số chứng minh nhân dân/Căn cước công dân:Ngày cấp:Nơi cấp: ...

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....(1)

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN KIỂM TRA**Điều kiện sản xuất phân bón hoặc buôn bán phân bón**

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số ...ngày ...tháng ... năm ...của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của ... (1) về việc thành lập đoàn kiểm tra.

Hôm nay, ngày..... tháng.... nămtại.....

Địa chỉ:.....

Chúng tôi gồm:

Đại diện đoàn kiểm tra:

1. Ông/Bà:....., Chức vụ:

2. Ông/Bà:....., Chức vụ:.....

Đại diện tổ chức, cá nhân sản xuất/buôn bán phân bón:

1. Ông/Bà:....., Chức vụ:.....

2. Ông/Bà:....., Chức vụ:.....

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

.....

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

(ghi cụ thể nội dung đánh giá từng điều kiện theo quy định của pháp luật)

.....

III. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

.....

IV. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

.....

V. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT/BUÔN BÁN PHÂN BÓN

.....
Buổi kiểm tra kết thúc vào hồi... h ngày..... tháng.... năm

Biên bản đã được đọc cho đoàn kiểm tra, đại diện tổ chức, cá nhân sản xuất/buôn bán phân bón cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Đoàn kiểm tra giữ 01 bản và 01 bản lưu tại làm căn cứ thi hành.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

(Ký tên)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

QUY TRÌNH**Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo phân bón (Mẫu số 20 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)	01	Bản chính
2	Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam	01	Bản sao
3	Kịch bản quảng cáo và file điện tử ghi âm, ghi hình hoặc bản thiết kế phù hợp với loại hình và phương thức quảng cáo (trừ quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện)	02	Bản sao
4	Đối với quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện phải có: chương trình (ghi rõ nội dung); thời gian; địa điểm tổ chức; nội dung bài báo cáo và tài liệu phát cho người dự; bảng kê tên, chức danh, trình độ chuyên môn của báo cáo viên.	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh ĐT: 028 35102686; Fax: 028 38414926 Email: ccttbvtv.snn@tphcm.gov.vn)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**A. Trường hợp ký thừa ủy quyền**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<p>1. Đối với hồ sơ được nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, chính xác theo quy định: hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 và nêu rõ lý do. <p>2. Đối với nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông báo cho tổ chức, cá nhân biết và hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Thanh tra Pháp chế.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Lãnh đạo phòng tiếp nhận hồ sơ, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.
B4	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Giấy xác nhận hoặc Văn bản	Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét, thẩm định hồ sơ nếu: - Hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, dự thảo Giấy xác nhận nội dung quảng cáo. - Hồ sơ chưa đủ điều kiện theo quy định, dự thảo Văn bản trả lời từ chối và nêu rõ lý do.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Kiểm tra, thẩm định kết quả giải quyết thủ tục hành chính, ký nháy.
B6	Ký duyệt	Chi cục trưởng	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét ký duyệt hồ sơ. Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ký thừa ủy quyền (đóng dấu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
B7	Ban hành Văn bản	Văn thư Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
B8	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thu phí, lệ phí (nếu có). - Thống kê, theo dõi, lưu hồ sơ.

B. Trường hợp không ký thừa ủy quyền

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<p>1. Đối với hồ sơ được nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, chính xác theo quy định: hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 và nêu rõ lý do. <p>2. Đối với nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông báo cho tổ chức, cá nhân biết và hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Thanh tra Pháp chế.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Lãnh đạo phòng tiếp nhận hồ sơ, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Giấy xác nhận hoặc Văn bản	Xem xét, thẩm định hồ sơ nếu: - Hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, dự thảo Giấy xác nhận. - Hồ sơ chưa đủ điều kiện theo quy định, dự thảo Văn bản trả lời từ chối và nêu rõ lý do.
B5	Kiểm tra hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc (04 giờ)		Kiểm tra và trình Chi cục trưởng xem xét.
B6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Chi cục	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Kiểm tra kết quả giải quyết thủ tục hành chính, ký nháy, trình Ban Giám đốc Sở ký duyệt.
B7	Tiếp nhận hồ sơ trình ký	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Tiếp nhận hồ sơ, trình Ban giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký duyệt.
B8	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Ký duyệt hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B9	Ban hành Văn bản	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.
B10	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thu phí, lệ phí (nếu có). - Thống kê, theo dõi, lưu hồ sơ.

Đối với quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, trước khi tiến hành việc quảng cáo ít nhất 02 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân có phân bón đã được cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo phải có văn bản thông báo về hình thức, thời gian và địa điểm quảng cáo kèm theo bản sao giấy xác nhận nội dung quảng cáo cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật nơi tổ chức quảng cáo để thanh tra, kiểm tra trong trường hợp cần thiết.

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo phân bón (Mẫu số 20 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm phân bón (Mẫu số 21 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo phân bón (Mẫu số 20 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm phân bón (Mẫu số 21 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP)
8	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 84/2019 NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ Quy định về quản lý phân bón;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính./.

BM 04

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO PHÂN BÓN

Kính gửi:(1)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Fax:E-mail:

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:

Kính đề nghị(1) xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với phân bón sau:

TT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón	Số Quyết định công nhận phân bón lưu hành	Phương tiện quảng cáo

Các tài liệu gửi kèm:

.....

.....

Chúng tôi cam kết quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý phân bón và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

.....
 (1) Tên cơ quan có thẩm quyền

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
------(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-.....

....., ngày tháng..... năm.....

V/v xác nhận nội dung quảng
cáo phân bón

GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO

STT	Tên phân bón	Mã số phân bón	Số Quyết định công nhận phân bón lưu hành

1. Phương tiện quảng cáo:

(Trường hợp quảng cáo trên báo nói, báo hình, báo in thì nêu rõ tên báo dự kiến quảng cáo; trường hợp quảng cáo thông qua hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện thì nêu rõ thời gian, địa điểm cụ thể dự kiến tổ chức, báo cáo viên)

.....

.....

2. Nội dung quảng cáo: Phù hợp với Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam về loại phân bón, tên phân bón, chỉ tiêu chất lượng, phương thức sử dụng, đối tượng cây trồng, liều lượng sử dụng.

3. Hiệu lực quảng cáo (2):

Tổ chức/cá nhân có trách nhiệm quảng cáo đúng nội dung đã được xác nhận.

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

(2) Hiệu lực quảng cáo ghi theo hiệu lực của Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

QUY TRÌNH**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

ST T	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu
3	Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh - ĐT: 028 35102686; Fax: 028 38414926 Email: ccttbvtv.snn@tphcm.gov.vn) - Nộp hồ sơ trực tuyến: Công dịch vụ công trực tuyến Thành phố Hồ Chí Minh- https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không cần khắc phục). - 18 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp cần khắc phục). 	800.000 đồng/lần

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân		Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	<ul style="list-style-type: none"> - Giờ hành chính đối với hồ sơ nộp trực tiếp - 24/24 đối với hồ sơ nộp trên cổng dịch vụ công trực tuyến 	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<p>1. Đối với hồ sơ được nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định: hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 và nêu rõ lý do. <p>2. Đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông báo cho tổ chức, cá nhân biết và hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện theo quy định. <p>3. Đối với hồ sơ nộp trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ,

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông báo, nêu rõ lý do và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Tiếp nhận hồ sơ, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.
B4	Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Văn bản	- Xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp bước B5 - B12 . + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Thực hiện bước B4.1 - B4.3 .
B4.1	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Văn bản	Xem xét, ký nháy văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B4.2	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Văn bản	Xem xét ký duyệt văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B4.3	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Văn bản	Cho số, vào sổ, đóng dấu và ban hành văn bản.
<i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thực hiện lại từ bước B1.</i>					
B5	Thẩm định hồ sơ và thành lập Đoàn đánh giá	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	04 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định	- Tiến hành thẩm định hồ sơ và dự thảo Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B6	Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định	- Ký nháy dự thảo Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. - Trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B7	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định	Xem xét hồ sơ, ký Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.
B8	Tiến hành đánh giá thực tế	Đoàn đánh giá	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định BM 06	Tiến hành đánh giá thực tế tại cơ sở theo quy định. Lập biên bản đánh giá theo BM 06.
B9	Xem xét kết quả đánh giá, đề xuất kết	Đoàn đánh giá	03 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết	- Căn cứ vào biên bản đánh giá tại cơ sở, xem xét hồ sơ, thẩm định: + Trường hợp hồ sơ hợp lệ và kết quả đánh giá đủ điều

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	quả giải quyết TTHC, xem xét trình ký			định BM 06 BM 07 hoặc Văn bản	kiện theo quy định: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. + Trường hợp kết quả đánh giá chưa đủ điều kiện: dự thảo Văn bản yêu cầu khắc phục. - Ký nháy kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B10	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục	1,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B11	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được ký duyệt	Cho số, vào số, đóng dấu, phát hành văn bản. - Trường hợp kết quả đánh giá đạt: ban hành Giấy chứng nhận. Chuyển cho Bộ phận Một cửa (B18). - Trường hợp kết quả đánh giá chưa đạt: gửi Văn bản yêu cầu khắc phục cho cá nhân/tổ chức. Thực hiện tiếp bước B13 - B18 (sau khi tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ khắc phục).
<i>Cá nhân/tổ chức bổ sung hồ sơ khắc phục trong thời hạn 60 ngày kể từ khi có văn bản thông báo yêu cầu khắc phục.</i>					
B12	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ bổ sung	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, khắc phục của tổ chức/cá nhân và chuyển cho Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế.
B13	Xem xét kết quả	Đoàn đánh giá	1,5 ngày làm việc	Hồ sơ BM 07	- Căn cứ vào kết quả khắc phục, xem xét hồ sơ, thẩm

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	khắc phục, đề xuất kết quả giải quyết TTHC, Xem xét trình ký			hoặc Văn bản từ chối	định: + Trường hợp kết quả khắc phục đủ điều kiện: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. + Trường hợp kết quả khắc phục chưa đủ điều kiện: dự thảo Văn bản từ chối không cấp giấy và nêu rõ lý do. - Ký nháy kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B14	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B15	Ban hành Văn bản	Văn thư Chi cục	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản, chuyển Bộ phận Một cửa.
B16	Trả kết quả, thống kê, theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thu phí, lệ phí (nếu có). - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tại Phụ lục XIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT
5	BM 05	Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tại Phụ lục XVI Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT
6	BM 06	Biên bản đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tại Phụ lục XVIII Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT
7	BM 07	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tại Phụ lục XX Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XVI Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
6	BM 06	Biên bản đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XVIII Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
7	BM 07	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XX Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
8	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính Phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp;

- Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-KHCN ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

BM 04

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật TPHCM

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

Đề nghị Quý cơ quan

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

- Sản xuất hoạt chất

- Sản xuất thuốc kỹ thuật

- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật

- Đóng gói

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng

- Cơ sở không có cửa hàng

Cấp mới Cấp lại lần thứ

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

... .., ngày..... tháng.....năm... ..

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN THUYẾT MINH****ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT****Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật****I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP****1. Đơn vị chủ quản:**

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

3. Loại hình hoạt động- DN nhà nước - DN liên doanh với nước ngoài - DN tư nhân - DN 100% vốn nước ngoài - DN cổ phần - Hộ buôn bán - Khác: (ghi rõ loại hình) **4. Năm bắt đầu hoạt động:****5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp****II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN****1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)**- Diện tích cửa hàng:m²- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn

- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này (*Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).

- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (*Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).

- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên dưới 5000 kg

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại: Mobile: Fax: E-mail:

b) Trạm cấp cứu gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2. *Nếu không có kho riêng*, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

BM 06

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHI CỤC

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Số:.....

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tên đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

hoặc

Chủ cơ sở:

Số chứng minh nhân dân số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại: Fax:

Địa điểm cửa hàng buôn bán:

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng....năm....

....., ngày tháng năm

CHI CỤC TRƯỞNG

QUY TRÌNH

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

ST T	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu
3	Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XVI Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh - ĐT: 028 35102686; Fax: 028 38414926 Email: ccttbvtv.snn@tphcm.gov.vn) - Nộp hồ sơ trực tuyến: Công dịch vụ công trực tuyến Thành phố Hồ Chí Minh- https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn	- 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không cần khắc phục). - 18 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp cần khắc phục).	800.000 đồng/lần

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Giờ hành chính đối với hồ sơ nộp trực tiếp - 24/24 đối với hồ sơ nộp trên cổng dịch vụ công trực tuyến 	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		<ul style="list-style-type: none"> Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03 	<p>1. Đối với hồ sơ được nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định: hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 và nêu rõ lý do. <p>2. Đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông báo cho tổ chức, cá nhân biết và hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện theo quy định. <p>3. Đối với hồ sơ nộp trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					báo, nêu rõ lý do và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Tiếp nhận hồ sơ, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.
B4	Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Văn bản	- Xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp bước B5 - B12 . + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân. Thực hiện bước B4.1 - B4.3 .
B4.1	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Văn bản	Xem xét, ký nháy văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B4.2	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Văn bản	Xem xét ký duyệt văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
B4.3	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Trồng trọt và BVTV	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Văn bản	Cho số, vào sổ, đóng dấu và ban hành văn bản.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
<i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thực hiện lại từ bước B1.</i>					
B5	Thẩm định hồ sơ và thành lập Đoàn đánh giá	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	04 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định	- Tiến hành thẩm định hồ sơ và dự thảo Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B6	Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định	- Ký nháy dự thảo Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. - Trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B7	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định	Xem xét hồ sơ, ký Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.
B8	Tiến hành đánh giá thực tế	Đoàn đánh giá	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định BM 06	Tiến hành đánh giá thực tế tại cơ sở theo quy định. Lập biên bản đánh giá theo BM 06.
B9	Xem xét kết quả đánh giá, đề xuất kết quả giải quyết TTHC,	Đoàn đánh giá	03 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định BM 06 BM 07 hoặc Văn	- Căn cứ vào biên bản đánh giá tại cơ sở, xem xét hồ sơ, thẩm định: + Trường hợp hồ sơ hợp lệ và kết quả đánh giá đủ điều kiện theo quy định: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	xem xét trình ký			bản	+ Trường hợp kết quả đánh giá chưa đủ điều kiện: dự thảo Văn bản yêu cầu khắc phục. - Ký nháy kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B10	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	1,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B11	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được ký duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, phát hành văn bản. - Trường hợp kết quả đánh giá đạt: ban hành Giấy chứng nhận. Chuyển cho Bộ phận Một cửa (B18). - Trường hợp kết quả đánh giá chưa đạt: gửi Văn bản yêu cầu khắc phục cho cá nhân/tổ chức. Thực hiện tiếp bước B13 - B18 (sau khi tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ khắc phục).
<i>Cá nhân/tổ chức bổ sung hồ sơ khắc phục trong thời hạn 60 ngày kể từ khi có văn bản thông báo yêu cầu khắc phục.</i>					
B12	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ bổ sung	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, khắc phục của tổ chức/cá nhân và chuyển cho Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế.
B13	Xem xét kết quả khắc phục, đề	Đoàn đánh giá	1,5 ngày làm việc	Hồ sơ BM 07 hoặc Văn bản	- Căn cứ vào kết quả khắc phục, xem xét hồ sơ, thẩm định: + Trường hợp kết quả khắc

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	xuất kết quả giải quyết TTHC, Xem xét trình ký			từ chối	<p>phục đủ điều kiện: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.</p> <p>+ Trường hợp kết quả khác phục chưa đủ điều kiện: dự thảo Văn bản từ chối không cấp giấy và nêu rõ lý do.</p> <p>- Ký nháy kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.</p>
B14	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B15	Ban hành Văn bản	Văn thư Chi cục Trồng trọt và BVTV	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản, chuyển Bộ phận Một cửa.
B16	Trả kết quả, thống kê, theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	<p>- Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân.</p> <p>- Thu phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>- Thống kê, theo dõi.</p>

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XIV Thông tư số

		21/2015/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XVI Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
6	BM 06	Biên bản đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XVIII Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
7	BM 07	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XX Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XVI Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
6	BM 06	Biên bản đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XVIII Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
7	BM 07	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XX Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
7	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính Phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;
- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp;

- Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-KHCN ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật TPHCM

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

Đề nghị Quý cơ quan

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

- Sản xuất hoạt chất

- Sản xuất thuốc kỹ thuật

- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật

- Đóng gói

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng

- Cơ sở không có cửa hàng

Cấp mới Cấp lại lần thứ

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN THUYẾT MINH****ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT****Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật****I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP****1. Đơn vị chủ quản:**

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

3. Loại hình hoạt động- DN nhà nước - DN liên doanh với nước ngoài - DN tư nhân - DN 100% vốn nước ngoài - DN cổ phần - Hộ buôn bán - Khác: (ghi rõ loại hình) **4. Năm bắt đầu hoạt động:****5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp****II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN****1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)**- Diện tích cửa hàng:m²- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2. *Nếu không có kho riêng*, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

BM 06

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHI CỤC

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Số:.....

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tên đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

hoặc

Chủ cơ sở:

Số chứng minh nhân dân số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại: Fax:

Địa điểm cửa hàng buôn bán:

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng....năm....

....., ngày tháng năm

CHI CỤC TRƯỞNG

QUY TRÌNH

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

ST T	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo Mẫu tại Phụ lục XIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao hoặc bản photo kèm bản chính để đối chiếu
3	Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo Mẫu tại Phụ lục XVI Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh - ĐT: 028 35102686; Fax: 028 38414926 Email: cctfbvtv.snn@tphcm.gov.vn)</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến: Công dịch vụ công trực tuyến Thành phố Hồ Chí Minh- https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</p>	<p>- 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không cần khắc phục).</p> <p>- 18 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp cần khắc phục).</p>	800.000 đồng/lần

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Giờ hành chính đối với hồ sơ nộp trực tiếp - 24/24 đối với hồ sơ nộp trên cổng dịch vụ công trực tiếp 	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> 1. Đối với hồ sơ được nhận trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định: hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 và nêu rõ lý do. 2. Đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông báo cho tổ chức, cá nhân biết và hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện theo quy định. 3. Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					đủ, chưa chính xác: thông báo, nêu rõ lý do và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (2 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Tiếp nhận hồ sơ, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.
B4	Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Văn bản	- Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp bước B5 - B12 . + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thực hiện tiếp bước B4.1 - B4.3 .
B4.1	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01 Văn bản	Xem xét, ký nháy văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B4.2	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 Văn bản	Xem xét ký duyệt văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
B4.3	Phát hành	Văn thư Chi cục Trồng trọt	0,25 ngày làm việc	Văn bản	- Cho số, vào sổ, đóng dấu và phát hành văn bản

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	văn bản	và BVTV	(02 giờ)		- Trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.
<i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thực hiện lại từ bước B1.</i>					
B5	Thẩm định hồ sơ và thành lập Đoàn đánh giá	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	04 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định	- Tiến hành thẩm định hồ sơ và dự thảo Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B6	Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định	- Ký nháy dự thảo Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. - Trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B7	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định	Xem xét hồ sơ, ký Quyết định thành lập Đoàn đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.
B8	Tiến hành đánh giá thực tế	Đoàn đánh giá	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định BM 06	Tiến hành đánh giá thực tế tại cơ sở theo quy định. Lập biên bản đánh giá theo BM 06
B9	Xem xét kết quả đánh giá, đề xuất kết quả giải quyết TTHC, xem xét	Đoàn đánh giá	03 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Quyết định BM 06 BM 07 hoặc Văn bản	- Căn cứ vào biên bản đánh giá tại cơ sở, xem xét hồ sơ, thẩm định: + Trường hợp thẩm định hồ sơ hợp lệ và kết quả đánh giá đủ điều kiện theo quy định: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	trình ký				thuốc bảo vệ thực vật. + Trường hợp kết quả đánh giá chưa đủ điều kiện: dự thảo Văn bản yêu cầu khắc phục. - Ký nháy kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B10	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	1,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B11	Phát hành văn bản	Văn thư Chi cục Trồng trọt và BVTV	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được ký duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, phát hành văn bản - Trường hợp kết quả đánh giá đạt: chuyển giấy chứng nhận cho Bộ phận Một cửa (B18). - Trường hợp kết quả đánh giá chưa đạt: thực hiện tiếp bước B13 - B18 (sau khi tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ khắc phục).
<i>Cá nhân/tổ chức bổ sung hồ sơ khắc phục trong thời hạn 60 ngày kể từ khi có văn bản thông báo yêu cầu khắc phục.</i>					
B12	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc	Hồ sơ bổ sung	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung, khắc phục của tổ chức/cá nhân và chuyển cho Chuyên viên Phòng chuyên môn.
B13	Xem xét kết quả khắc phục, đề xuất kết quả giải quyết	Đoàn đánh giá	1,5 ngày làm việc	Hồ sơ BM 07 hoặc Văn bản từ chối	- Căn cứ vào kết quả khắc phục, xem xét hồ sơ, thẩm định: + Trường hợp kết quả kết quả khắc phục đủ điều kiện: dự thảo Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	TTHC, Xem xét trình ký				vệ thực vật. + Trường hợp kết quả khác phục chưa đủ điều kiện: dự thảo Văn bản từ chối không cấp giấy và nêu rõ lý do. - Ký nháy kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B14	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
B15	Phát hành Văn bản	Văn thư Chi cục Trồng trọt và BVTV	0,25 ngày làm việc	Hồ sơ đã được ký duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản, chuyển Bộ phận một cửa.
B16	Trả kết quả, thống kê, theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân. Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo Mẫu tại Phụ lục XIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo Mẫu tại Phụ lục XVI Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
6	BM 06	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XX Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo Mẫu tại Phụ lục XIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo Mẫu tại Phụ lục XVI Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
6	BM 06	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XX Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
7	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính Phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;
- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;
- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp;
- Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-KHCN ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ

sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật TPHCM

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

Đề nghị Quý cơ quan Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật- Sản xuất hoạt chất - Sản xuất thuốc kỹ thuật - Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật - Đóng gói Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật- Cơ sở có cửa hàng - Cơ sở không có cửa hàng Cấp mới Cấp lại lần thứ**Hồ sơ gửi****kèm:**.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

... .., ngày..... tháng.....năm.... ..

Đại diện cơ sở*(Ký và ghi rõ họ tên)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN THUYẾT MINH****ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT****Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật****I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP****1. Đơn vị chủ quản:**

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

3. Loại hình hoạt động- DN nhà nước - DN liên doanh với nước ngoài - DN tư nhân - DN 100% vốn nước ngoài - DN cổ phần - Hộ buôn bán - Khác: (ghi rõ loại hình)

.....

4. Năm bắt đầu hoạt động:

.....

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (*áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng*)

- Diện tích cửa hàng:m²
- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn
- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này (*Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).
- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (*Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).
- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

- Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)
- Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên dưới 5000 kg

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại: Mobile: Fax: E-mail:

b) Trạm cấp cứu gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2. *Nếu không có kho riêng*, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

BM 06

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHI CỤC

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Số:.....

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tên đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

hoặc

Chủ cơ sở:

Số chứng minh nhân dân số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại: Fax:

Địa điểm cửa hàng buôn bán:

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng....năm....

....., ngày tháng năm

CHI CỤC TRƯỞNG

QUY TRÌNH**Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật
(thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XXXIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	01	Bản sao
3	Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự)	01	Bản chính
4	Danh sách báo cáo viên, ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên (đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hóa, thể thao)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, quận Bình Thạnh - ĐT: 028 35102686; Fax: 028 38414926 Email: ccttbvtv.snn@tphcm.gov.vn) - Nộp hồ sơ trực tuyến: Cổng dịch vụ công trực tuyến Thành phố Hồ Chí Minh- https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn 	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	600.000 đồng

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân		Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	<ul style="list-style-type: none"> - Giờ hành chính đối với hồ sơ nộp trực tiếp - 24/24 đối với hồ sơ nộp trên cổng dịch vụ công trực tuyến 	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đối với hồ sơ được nhận trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, chính xác theo quy định: hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 và nêu rõ lý do. 2. Đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông báo cho tổ chức, cá nhân biết và hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện theo quy định. 3. Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: thông báo, nêu rõ lý do và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh theo quy định.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo phòng chuyên môn.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Tiếp nhận hồ sơ, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.
B4	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên Phòng Thanh tra Pháp chế	05 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 05 hoặc Văn bản yêu cầu bổ sung/từ chối	- Xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định: dự thảo Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật theo BM 05. + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc không cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật: dự thảo Văn bản từ chối cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật và nêu rõ lý do. - Trình lãnh đạo phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Thanh tra Pháp chế	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Kiểm tra, thẩm định, ký nháy, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B6	Ký duyệt hồ	Lãnh đạo Chi cục	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	sơ	Trông trọt và BVTV			
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Trông trọt và BVTV	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyet	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Thu phí, lệ phí (nếu có). - Chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B8	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. Thu phí, lệ phí (nếu có). Thống kê, theo dõi, lưu hồ sơ.

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XXXIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XXXV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XXXIV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)

5	BM 05	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu tại Phụ lục XXXV Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;
- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo;
- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp;
- Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc chức năng quản lý của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật;
- Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính./.

BM 04

Tên công ty, doanh nghiệp **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO
BẢO VỆ THỰC VẬT****THUỐC**

Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

Số giấy phép hoạt động :

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:.....

Kính đề nghị Chi cục Bảo vệ thực vật TP.HCM xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	Tên thuốc BVTV	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1.			
...			

Các tài liệu gửi kèm:

1.....

2.....

3.....

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện tổ chức, cá nhân*(Ký tên, đóng dấu)*

Tên cơ quan chủ quản
 Tên cơ quan có thẩm quyền xác
 nhận nội dung quảng cáo thuốc
 bảo vệ thực vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: /20... /XNQC-ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền
 (Tên cơ quan có thẩm quyền).....xác nhận:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

có nội dung quảng cáo ⁽¹⁾ các thuốc bảo vệ thực vật trong bảng dưới đây phù hợp với quy định hiện hành.

STT	Tên thuốc BVTV	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
1.			
2			
...			

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật đúng nội dung đã được xác nhận.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

1. Nội dung quảng cáo được đính kèm Giấy xác nhận này .

QUY TRÌNH**Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa (mẫu quy định tại Phụ lục V Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, quận Bình Thạnh ĐT: 028 35102686. Fax: 028 38414926. Email: ccttbvtv.snn@tphcm.gov.vn)	24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa		Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, chính xác theo quy định: tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo BM 01. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, chưa chính xác theo quy định: hướng dẫn tổ chức, cá

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 và nêu rõ lý do.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	06 giờ	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa	02 giờ	Theo mục I	Tiếp nhận hồ sơ, phân công chuyên viên thụ lý hồ sơ.
B4	Thụ lý hồ sơ	Chuyên viên Kiểm dịch thực vật nội địa	05 giờ	Theo mục I BM 01 BM 05 hoặc Văn bản trả lời	<p>- Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Quyết định địa điểm và bố trí kiểm tra ngay lô vật thể.</p> <p>+ Trường hợp kết quả kiểm tra đủ điều kiện theo quy định: dự thảo Giấy chứng nhận.</p> <p>+ Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận hoặc kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật: dự thảo thông báo/văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> <p>- Trình lãnh đạo Trạm xem xét.</p>
B5	Ký thẩm xét hồ sơ	Lãnh đạo Trạm Kiểm dịch thực vật nội	06 giờ	Hồ sơ trình	<p>- Xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy chứng nhận hoặc thông báo/văn bản trả lời nêu rõ lý do.</p> <p>- Trình Lãnh đạo Chi cục</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
		địa			xem xét, ký duyệt.
B6	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV	03 giờ	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt Giấy chứng nhận hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Trồng trọt và BVTV	02 giờ	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển hồ sơ cho Bộ phận một cửa.
B8	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. Thống kê, theo dõi, lưu hồ sơ.

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa (Phụ lục V Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (Phụ lục II Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa (Phụ lục V Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT)

5	BM 05	Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (Phụ lục II Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;
- Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch thực vật;
- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; kiểm dịch thực vật sau nhập khẩu;
- Thông tư số 35/2014/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp;
- Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật;
- Quyết định số 3853/QĐ-BNN-KHCN ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Lâm nghiệp, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH THỰC VẬT VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax/E-mail:

Số Giấy CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:

Đề nghị quý cơ quan kiểm dịch lô hàng vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật sau:

1. Tên hàng: Tên khoa học:.....

Cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:

2. Số lượng và loại bao bì:

3. Khối lượng tịnh: Khối lượng cả bì:.....

4. Phương tiện chuyên chở:

5. Nơi đi:

6. Nơi đến:

7. Mục đích sử dụng:

8. Địa điểm sử dụng:

9. Thời gian kiểm dịch:

10. Địa điểm, thời gian giám sát xử lý (nếu có):.....

Số bản Giấy chứng nhận KDTV cần cấp: bản chính; bản sao

Vào sổ số: ngày/...../.....

Cán bộ KDTV nhận giấy đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

BM 05

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
(TÊN CƠ QUAN KDTV)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT
NHẬP KHẨU, QUÁ CẢNH VÀ VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA**

Số:/KDTV

Cấp cho:

Địa chỉ:

Điện thoại:

CĂN CỨ CẤP GIẤY:

- Giấy phép kiểm dịch thực vật (KDTV) nhập khẩu số ngày...../...../.....;
- Giấy đăng ký KDTV; Giấy chứng nhận KDTV của nước xuất khẩu;
- Kết quả kiểm tra, phân tích giám định trong phòng thí nghiệm;
- Dấu xử lý vật liệu đóng gói bằng gỗ của nước xuất khẩu;
- Căn cứ khác:

CHỨNG NHẬN:

Những vật thể thuộc diện KDTV (vật thể) sau đây:

Số lượng:

Khối lượng:(viết bằng chữ).....

Phương tiện vận chuyển:

Nơi đi:

Nơi đến:

- Chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam;
- Phát hiện loài là đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại trên;

Phát hiện sinh vật gây hại lạ. Lô vật thể đã được xử lý đảm bảo tiêu diệt triệt để sinh vật gây hại lạ trên;

Lô vật thể trên được phép chở tới:.....

QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN TRONG KHI GỬI VÀ NHẬN HÀNG:

Lô vật thể được phép gieo trồng, sử dụng tại địa điểm quy định trên;

Lô vật thể được phép quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo lộ trình trên và phải tuân thủ mọi quy định về KDTV quá cảnh của Việt Nam;

Báo ngay cho cơ quan KDTV/Bảo vệ thực vật nơi gần nhất khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam (*trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, sử dụng, gieo trồng, □ .*);

Điều kiện khác:

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Chủ vật thể không được chở lô vật thể đến địa điểm khác nếu không được phép của cơ quan KDTV.